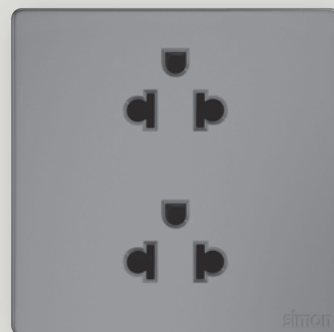


Simon K1 K1V K3 V8



SWITCHES & SOCKETS

Catalogue Retail Vietnam 2024

simon
Since 1916 From Spain

simon



CÔNG TẮC Ổ CẮM



Series K1 .10



Series K3 .16



Series K1V .15



Series V8 .20

THIẾT BỊ KHÁC



Ổ cắm âm sàn .29



Đế âm .30



Aptomat .32



Tủ aptomat .33

* Ghi chú:

- Mã và giá sản phẩm có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.
- Vui lòng liên hệ với Simon Việt Nam để biết thêm chi tiết về mã & màu sản phẩm.
- Tiêu chuẩn IEC.

Remarks:

All prices and codes are subjected to change without prior notice.
Please feel free to contact Simon Vietnam (local sales representatives) for product details.
IEC Standard.



simon

LIGHT UP EMOTIONS

Cảm nhận bước chuyển của thời gian thành những khoảnh khắc đáng nhớ. Cảm xúc biến không gian thành tổ ấm hạnh phúc, an yên.

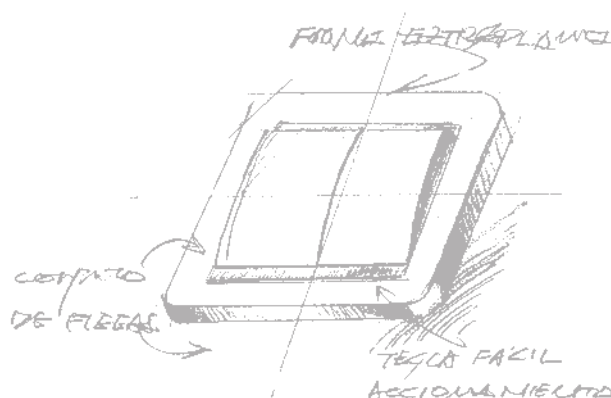
Tại Simon, chúng tôi hiểu rằng, không gian là trung tâm của những trải nghiệm và không gian ấy, sẽ được khỏa lấp bằng cảm xúc mãnh liệt của các giác quan.

Chạm, nhìn thấy, lắng nghe và cảm nhận. Chúng tôi muốn đánh thức tất cả các giác quan tiềm ẩn trong bạn.

Simon - Bùng lên cảm xúc

Thiết kế là cầu nối giữa

& THẨM MỸ
TIỆN ÍCH



SIMON DESIGNING AWARDS



X Awards 2014 Simon 82 Detail



reddot award 2017
winner

Red Dot 2017 Simon 100



IF Gold Award 2018 Fluvia Loop



reddot design award
winner 2019

IF Design Award 2019 Simon 50E



reddot winner 2021

IF Design Award 2021



reddot winner 2022

IF Design Award 2022

SIMON: TỪ NĂM 1916 TẠI BARCELONA



Tại Olot - 1920



Ông Arthur Simon và gia đình - 1990



Nhà máy ở Calle Pare Roca, Olot - 1925



Nhà máy đồ sứ tại Sant Andreu, Barcelona - 1943



Gian hàng của IEP tại Feria de Madrid - 1949

1916

Ông Arturo Simon khởi nghiệp công ty ở Olot

1925

Ông Arturo Simon mở rộng hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện

1942

Nhà máy sản xuất đồ sứ được mở

1957

Simon mua lại PME

1966

Simon mua lại IEP

1993

Ra mắt hệ thống điều khiển thông minh đầu tiên

1998

Simon bắt đầu quốc tế hóa

1999

Gia nhập thị trường Trung Quốc



1916
Bayonet
bulb mount



1920-1930
851 "Extra"
rotary switch



1956
Simon 24



1962
Simon 25



1973
Simon 36



1978
Simon 31



1992
Simon 75



Nhà máy Olot - 1975



Nhà máy Hayan, Trung Quốc - 1999



Sense - 2015



Simon Vox - 1998



Sân Vận Động Bắc Kinh, TQ - 2008



Nhà máy Simon Việt Nam - 2022

2006

Simon gia nhập thị trường Ấn Độ

2008

Simon được lựa chọn là nhà phân phối chính thức của Olympic tại Bắc Kinh

2015

Hệ thống cảm ứng mới ra đời

Hệ thống cảm ứng được đánh giá cao và nhận được một số giải thưởng quốc tế bởi nó kết hợp được 3 yếu tố vật lý, con người và môi trường một cách hài hòa

Những giải thưởng quốc tế

Trong đó bộ đèn The Slim and Cool trong bộ sưu tập Fluvia đạt 5 giải thưởng quốc tế:

- iF Awards for Fluvia Slim luminaires
- Red Dot Awards for the Slim and Cool Fluvia luminaires
- Delta Awards in the selection category for Slim and Cool
- Delta Awards for Detail 82
- iF Gold Awards for Sense

2016

Simon toàn cầu kỉ niệm 100 năm

2020

Simon chính thức có trụ sở và xây dựng nhà máy tại Việt Nam.



1995

Simon 88



2005

Simon 82
Nature



2013

Simon i7



2016

Simon E6



2020

Simon i6



2022

Simon S6

MẠNG LƯỚI SIMON



Simon là tập đoàn công nghiệp với LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN HƠN 100 NĂM

Simon là tập đoàn công nghiệp chuyên về các giải pháp công nghệ chiếu sáng, điều khiển ánh sáng, thiết bị kết nối và thiết bị điện, được thành lập vào năm 1916, có trụ sở chính tại thành phố Barcelona, Tây Ban Nha.

Trải qua hơn 100 năm hình thành và phát triển, hiện Simon đã có mặt tại hơn 90 Quốc gia với 15 nhà máy sản xuất, trụ sở tại 16 Quốc gia.

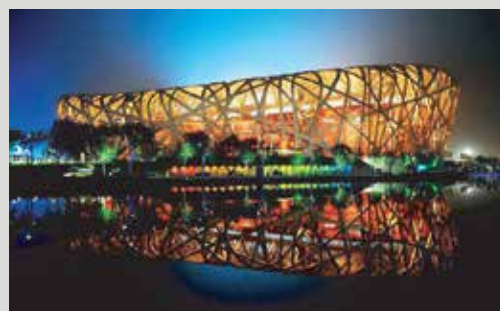
DỰ ÁN SIMON



Marriott Auditorium Hotel, Madrid, Spain



HQ Mansion of DKV, Spain



National Stadium, Beijing, China



Torre Agbar, Barcelona, Spain



Grand Hyatt Bali, Indonesia



Kremlin, Moscow, Russia



MAL-Royal Chulan Hotel, Kuala Lumpur, Malaysia



Le Eminence Hotel, Puncak, Indonesia



MAL-Dorsett Residence, Malaysia



FLC, Sầm Sơn, Thanh Hóa, VN



Vinhomes Grand Park - Phân khu The Origami, Việt Nam



Flamingo Đại Lải, Việt Nam



Simon | K1 - K1V



VỀ ĐẸP
Á ĐÔNG

MÀU SẮC

Colours



Màu Trắng
White



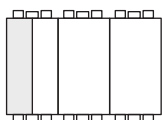
Màu Champagne
Champagne



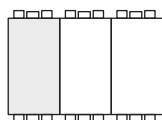
Màu Xám
Grey

MODULE LẮP GHÉP

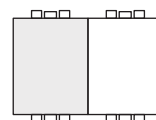
Dimension



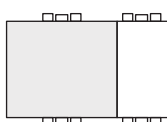
Size XS
Cỡ 1/6



Size S
Cỡ 1/3



Size M
Cỡ 1/2



Size L
Cỡ 2/3



Size XL
Cỡ 1

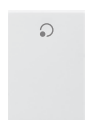
MÀU SẮC

Trắng

Ch...



CÔNG TẮC Switches



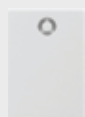
HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU
IN BIỂU TƯỢNG ĐÈN SIZE S 16A
1 Way Switch Module (S)

K113S ☐ 29.700
K113S ☒ -46 ☐ -61 46.200



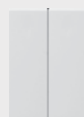
HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU
CÓ NÚT ĐÈN TRANG TRÍ SIZE S 16A
1 Way Switch Module (S)

K112S ☐ 30.800
K112S ☒ -46 ☐ -61 47.300



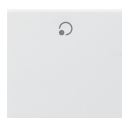
HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU
CÓ ĐÈN LED SIZE S 16A (Order)
1 Way Switch Module with LED (S)

K111S ☐ 82.500
K111S ☒ -46 ☐ -61 99.000



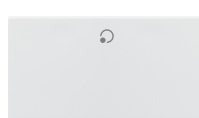
HẠT CÔNG TẮC KÉP 1 CHIỀU SIZE S 16A
Double switches 1 way (S)

K110S ☐ 91.300
K110S ☒ -46 ☐ -61 107.800



HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU
IN BIỂU TƯỢNG ĐÈN SIZE M 16A
1 Way Switch Module (M)

K111M ☐ 108.900
K111M ☒ -46 ☐ -61 128.200



HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU
IN BIỂU TƯỢNG ĐÈN SIZE XL 16A
1 Way Switch Module (XL)

K113XL ☐ 39.600
K113XL ☒ -46 ☐ -61 64.400



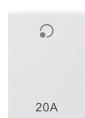
HẠT CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU SIZE S 16A
2 Way Switch Module (S)

K120S ☐ 55.000
K120S ☒ -46 ☐ -61 71.500



HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU
CÓ NÚT ĐÈN TRANG TRÍ SIZE XL 16A
1 Way Switch Module (XL)

K112XL ☐ 40.700
K112XL ☒ -46 ☐ -61 65.500



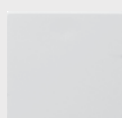
HẠT CÔNG TẮC 20A
IN BIỂU TƯỢNG ĐÈN VÀ CHỮ SIZE S 20A
20A Double Pole Switch Module (S)

K114S ☐ 189.200
K114S ☒ -46 ☐ -61 205.700



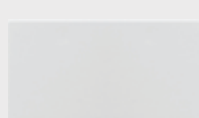
HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU
CÓ ĐÈN LED SIZE XL 16A (Order)
1 Way Switch Module with LED (XL)

K111XL ☐ 91.300
K111XL ☒ -46 ☐ -61 116.100



HẠT CÔNG TẮC TRUNG GIAN SIZE M 16A
Intermediate Switch Module (M)

K131M ☐ 162.800
K131M ☒ -46 ☐ -61 182.100



HẠT CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU SIZE XL 16A
2 Way Switch Module (XL)

K120XL ☐ 64.900
K120XL ☒ -46 ☐ -61 89.700



NÚT CHE TRƠN SIZE S
Blank Plate (S)

K150S ☐ 16.500
K150S ☒ -46 ☐ -61 33.000



NÚT CHE TRƠN SIZE XS
Blank Plate (XS)

K150XS ☐ 16.500
K150XS ☒ -46 ☐ -61 33.000

Ổ CẮM

Socket-outlets



Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU SIZE S 16A
2 Pin Socket-Outlet Module (S)

K1412S	☐	49.500
K1412S	☒ -46 ☐ -61	66.000



Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG SIZE M 10A
Multi-Standard Socket-Outlet Module (M)

K1413M	☐	97.900
K1413M	☒ -46 ☐ -61	117.200



Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU SIZE XL 16A
Twin EU-US Socket-Outlet

K1424XL	☐	143.000
K1424XL	☒ -46 ☐ -61	167.800

HẠT TIVI, MẠNG, THOẠI & ĐIỀU KHIỂN

TV, Data, Tel, Control and Regulator



HẠT ĐÈN SIZE S MÀU XANH 1W
LED Indicator - Green Color Module (S)

K1531S	☐	97.900
K1531S	☒ -46 ☐ -61	114.400



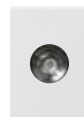
HẠT ĐÈN SIZE S MÀU ĐỎ 1W
LED Indicator - Red Color Module (S)

K1532S	☐	97.900
K1532S	☒ -46 ☐ -61	114.400



HẠT ĐIỆN THOẠI SIZE S
Telephone Outlet Module (S)

K154S	☐	112.200
K154S	☒ -46 ☐ -61	128.700



HẠT TIVI SIZE S
TV Outlet Module (S)

K1551S	☐	112.200
K1551S	☒ -46 ☐ -61	128.700



HẠT MẠNG CAT 6 SIZE S
Data Outlet Cat6 Module (S)

K1586S	☐	269.500
K1586S	☒ -46 ☐ -61	286.000



HẠT USB SIZE M 5V-2.4A
Twin USB Charger Module (M)

K157S	☐	900.900
K157S	☒ -46 ☐ -61	920.200



HẠT CHIẾT ÁP ĐÈN SIZE L 1.8A-400W
Dimmer Module (L)

K1591L	☐	401.500
K1591L	☒ -46 ☐ -61	423.500



HẠT CHIẾT ÁP QUẠT SIZE L 0.85A-200W
Fan Regulator Module (L)

K1592L	☐	438.900
K1592L	☒ -46 ☐ -61	460.900



CÔNG TẮC THẺ TỪ 16A (ĐÈN SỢI ĐỐT),
10A (ĐÈN LED), 6A (ĐỘNG CƠ)
Keycard Switch Module

K1601	☐	795.300
-------	--------------------------	---------

MẶT VIÊN K1 Frames K1



MẶT 1 LỖ SIZE S LẮP NGANG

1 Gang Plate (S)

K1001N  27.500

K1001N   71.500



MẶT 2 LỖ SIZE S LẮP NGANG

2 Gangs Plate (S)

K1002N  27.500

K1002N   71.500



MẶT 3 LỖ SIZE S LẮP NGANG

3 Gangs Plate (S)

K1003N  27.500

K1003N   71.500



MẶT 6 LỖ SIZE S LẮP DỌC

6 Gangs Plate (S)

K1006D  48.400

K1006D   98.500



MẶT APTOMAT TẾP ĐƠN LẮP DỌC

Blank Plate For Single Circuit Breaker

K1061D  29.700

K1061D   73.700



MẶT APTOMAT TẾP ĐÔI LẮP DỌC

Blank Plate For Double Circuit Breaker

K1062D  29.700

K1062D   73.700



MẶT APTOMAT KHỐI LẮP DỌC

Blank Plate For MCCB

K1063D  30.800

K1063D   74.800

MẶT VIỀN K1V Frames K1V



MẶT 1 LỖ SIZE S LẮP NGANG CÓ GÂN VIỀN
1 Gang Plate (S)

K1901	☐	28.600
K1901	☒ -46 ☐ -61	72.600



MẶT 2 LỖ SIZE S LẮP NGANG CÓ GÂN VIỀN
2 Gangs Plate (S)

K1902	☐	28.600
K1902	☒ -46 ☐ -61	72.600



MẶT 3 LỖ SIZE S LẮP NGANG CÓ GÂN VIỀN
3 Gangs Plate (S)

K1903	☐	28.600
K1903	☒ -46 ☐ -61	72.600



MẶT 6 LỖ SIZE S LẮP DỌC CÓ GÂN VIỀN
6 Gangs Plate (S)

K1906	☐	51.200
K1906	☒ -46 ☐ -61	101.800



MẶT 1 LỖ SIZE M LẮP NGANG CÓ GÂN VIỀN
1 Gang Plate (M)

K1911N	☐	28.600
K1911N	☒ -46 ☐ -61	72.600



MẶT APTOMAT TẾP ĐƠN LẮP DỌC CÓ GÂN VIỀN
Blank Plate For Single Circuit Breaker

K1961	☐	31.400
K1961	☒ -46 ☐ -61	75.400



MẶT APTOMAT KHỎI LẮP DỌC CÓ GÂN VIỀN
Blank Plate For MCCB

K1963	☐	32.500
K1963	☒ -46 ☐ -61	76.500

Simon|K3



UYỂN CHUYỂN
TRONG TỪNG ĐƯỜNG NÉT

MÀU SẮC

Colours



Màu Trắng
White



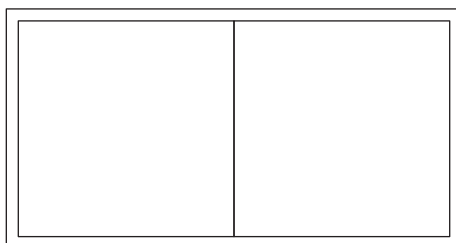
Màu Champagne
Champagne



Màu Xám
Grey

ĐA DẠNG KHUNG VIỀN

A Variety Of Border Frames



Khung đôi
2 Gang frame

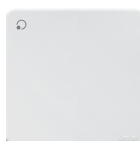
MÀU SẮC

Trắng

Ch...



CÔNG TẮC Switches



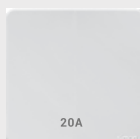
BỘ CÔNG TẮC ĐƠN 1 CHIỀU 16A

1 Gang 1 Way Switch

571011  **97.900**571011   **147.400**

BỘ CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU 16A

1 Gang 2 Way Switch

571012  **119.900**571012   **169.400**

BỘ CÔNG TẮC 20A 1 CHIỀU

20A Double Pole Switch

572023  **405.900**572023   **455.400**

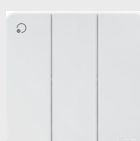
BỘ CÔNG TẮC ĐÔI 1 CHIỀU 16A

2 Gang 1 Way Switch

571021  **148.500**571021   **198.000**

BỘ CÔNG TẮC ĐÔI 2 CHIỀU 16A

2 Gang 2 Way Switch

571022  **185.900**571022   **235.400**

BỘ CÔNG TẮC BA 1 CHIỀU 16A

3 Gang 1 Way Switch

571031  **196.900**571031   **246.400**

BỘ CÔNG TẮC BA 2 CHIỀU 16A

3 Gang 2 Way Switch

571032  **240.900**571032   **290.400**

BỘ CÔNG TẮC BỐN 1 CHIỀU 10A

4 Gang 1 Way Switch

571041  **251.900**571041   **301.400**

BỘ CÔNG TẮC BỐN 2 CHIỀU 10A

4 Gang 2 Way Switch

571042  **316.800**571042   **366.300**

Ổ CẮM

Socket-outlets



BỘ Ổ CẮM ĐÔI 2 CHẤU 16A
Twin 2 Pole Socket

571072 ☐ 173.800
571072 ☒ -46 ☐ -61 223.300



BỘ Ổ CẮM 2 CHẤU + 3 CHẤU
+ CÔNG TẮC (16A/10A)
2 Pin Socket & Multi-Standard Socket & Switch

571080 ☐ 229.900
571080 ☒ -46 ☐ -61 279.400



BỘ Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU 16A
Twin EU- US With Earth Socket

571287 ☐ 261.800
571287 ☒ -46 ☐ -61 311.300



BỘ Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU 16A
Single EU- US With Earth Socket

571087 ☐ 211.200
571087 ☒ -46 ☐ -61 260.700

HẠT TIVI, MẠNG, THOẠI & ĐIỀU KHIỂN

TV, Data, Tel, Control and Regulator



BỘ Ổ CẮM TIVI ĐƠN
Tivi Outlet

575111 ☐ 169.400
575111 ☒ -46 ☐ -61 218.900



BỘ Ổ CẮM TIVI ĐƠN CHUẨN F
TV Outlet With F Connector

575114 ☐ 185.900
575114 ☒ -46 ☐ -61 235.400



BỘ Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI ĐƠN
Telephone Outlet

575214 ☐ 140.800
575214 ☒ -46 ☐ -61 190.300



BỘ Ổ CẮM MẠNG ĐƠN CAT6
Data Outlet Cat6

575218 ☐ 218.900
575218 ☒ -46 ☐ -61 268.400



BỘ Ổ CẮM MẠNG ĐÔI CAT6
Twin Data Outlet Cat6

575228 ☐ 247.500
575228 ☒ -46 ☐ -61 297.000



BỘ Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI + MẠNG CAT6
Telephone and Data Outlet Cat6

575229 ☐ 306.900
575229 ☒ -46 ☐ -61 356.400



BỘ Ổ CẮM TIVI + MẠNG CAT6
Tivi & Data Outlet (Cat6)

575302 ☐ 306.900
575302 ☒ -46 ☐ -61 356.400



BỘ CHIẾT ÁP ĐÈN 0.85A-200W
Dimmer Switch

57E101 ☐ 570.900
57E101 ☒ -46 ☐ -61 620.400



BỘ CHIẾT ÁP QUẠT 0.85A-200W
Fan Regulator Switch

57E201 ☐ 537.900
57E201 ☒ -46 ☐ -61 587.400



KHUNG VIÊN ĐÔI
2 Gang Frame (86mm x172mm)

570620 ☐ 42.900
570620 ☒ -46 ☐ -61 85.800

Simon|V8



SANG TRỌNG
TINH TẾ

MẶT HẠT NHIỀU MÀU SẮC

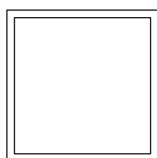
Colours



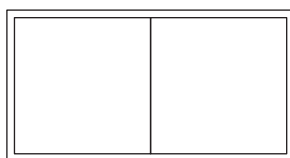
Màu Trắng/ Màu Xám/ Màu Champagne/ Màu Đá
White/ Grey/ Champagne/ Stone

ĐA DẠNG KHUNG VIỀN

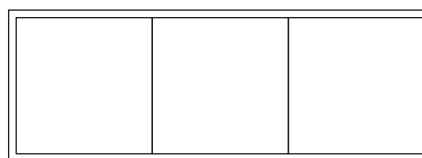
A Variety Of Border Frames



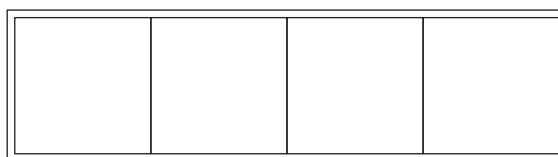
Khung đơn
1 Gang frame



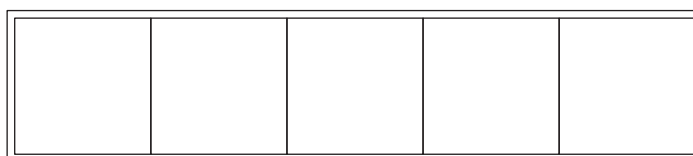
Khung đôi
2 Gang frame



Khung ba
3 Gang frame



Khung bốn
4 Gang frame



Khung năm
5 Gang frame



CÔNG TẮC Switches



MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 16A 1 CHIỀU

1 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)

80101	☐	152.800
80101	☒ -56 ☒ -26	195.600



MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 16A 2 CHIỀU

1 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)

80201	☐	174.100
80201	☒ -56 ☒ -26	216.900



MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 20A 2 CỰC, 1 CHIỀU CÓ ĐÈN LED ĐỎ

20A 2 Pole 1 Way Switch with Red LED Module (20AX 250V)

80203	☐	535.700
80203	☒ -56 ☒ -26	578.500



MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 32A 2 CỰC, 1 CHIỀU CÓ ĐÈN LED ĐỎ

32A 2 Pole 1 Way Switch with Red LED Module (32AX 250V)

80323	☐	545.900
80323	☒ -56 ☒ -26	588.700



MODULE CÔNG TẮC ĐÔI 16A 1 CHIỀU CÓ ĐÈN LED

2 Gang 1 Way Switch Module with LED Indicator (16AX 250V)

80396	☐	332.100
80396	☒ -56 ☒ -26	374.800



MODULE CÔNG TẮC ĐÔI 16A 1 CHIỀU

2 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)

80398	☐	224.100
80398	☒ -56 ☒ -26	266.900



MODULE CÔNG TẮC BA 16A 1 CHIỀU

3 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)

80371	☐	269.900
80371	☒ -56 ☒ -26	312.700



MODULE NÚT CHE TRƠN

Blank Plate Module

80800	☐	120.200
80800	☒ -56 ☒ -26	162.900



MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 16A 1 CHIỀU CÓ ĐÈN LED

1 Gang 1 Way Switch Module with LED Indicator (16AX 250V)

80104	☐	225.100
80104	☒ -56 ☒ -26	267.900



MODULE CÔNG TẮC TRUNG GIAN

1 Gang Intermediate Switch Module (16AX 250V)

80397H	☐	267.900
80397H	☒ -56 ☒ -26	310.600



MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 20A 2 CỰC, 2 CHIỀU CÓ ĐÈN LED ĐỎ

20A 2 Pole 2 Way Switch with Red LED Module (20AX 250V)

80204	☐	552.100
80204	☒ -56 ☒ -26	594.800



MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 32A 2 CỰC, 2 CHIỀU CÓ ĐÈN LED ĐỎ

32A 2 Pole 2 Way Switch with Red LED Module (32AX 250V)

80324	☐	565.300
80324	☒ -56 ☒ -26	608.100



MODULE CÔNG TẮC ĐÔI 16A 2 CHIỀU

2 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)

80397	☐	237.300
80397	☒ -56 ☒ -26	280.100



MODULE CÔNG TẮC BA 16A 1 CHIỀU CÓ ĐÈN LED

3 Gang 1 Way Switch Module with LED (16AX 250V)

80370	☐	452.200
80370	☒ -56 ☒ -26	495.000



MODULE CÔNG TẮC BA 16A 2 CHIỀU

3 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)

80372	☐	308.700
80372	☒ -56 ☒ -26	351.300



MODULE NÚT NHẤN CHUÔNG CỬA

Doorbell Switch Module (16A 250V)

80150	☐	156.900
80150	☒ -56 ☒ -26	199.700

CÔNG TẮC Switches



MODULE NÚT NHẤN ĐƠN

1 Gang Push-Button Switch Module (16A 250V)

80101F  **169.100**

80101F   **211.900**



MODULE NÚT NHẤN ĐƠN CÓ ĐÈN LED

1 Gang Push-Button With LED Indicator Module (16A 250V)

80104F  **233.200**

80104F   **276.000**



MODULE NÚT NHẤN ĐÔI

2 Gang Push-Button Switch Module (16A 250V)

80398F  **211.900**

80398F   **254.700**



MODULE NÚT NHẤN ĐÔI CÓ ĐÈN LED

2 Gang Push-Button Switch Module with LED (16A 250V)

80396F  **323.800**

80396F   **366.600**



MODULE NÚT NHẤN BA

3 Gang Push-Button Switch Module (16A 250V)

80371F  **290.300**

80371F   **333.100**



MODULE NÚT NHẤN BA CÓ ĐÈN LED

3 Gang Push-Button Switch Module with LED (16A 250V)

80370F  **449.100**

80370F   **491.900**

Ổ CẮM Socket-outlets



MODULE Ổ CẮM 3 CHẤU ĐA NĂNG

Multi-standard Socket Module (13A 250V)

80430  **210.900**

80430   **253.700**



MODULE Ổ CẮM ĐA NĂNG + 2 CỔNG USB

Multi-standard Socket Module with Double USB Chargers (13A 250V)

80E725  **1.641.000**

80E725   **1.684.000**



MODULE Ổ CẮM ĐÔI 2 CHẤU

Twin 2 Pin Socket Module (10A 250V)

80456  **217.900**

80456   **260.700**



MODULE Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU 16A

Single EU-US Socket with Earth Socket Module (16A 250V)

80487  **216.900**

80487   **259.700**



MODULE Ổ CẮM SCHUKO

Schuko Socket Module (16A 250V)

80687  **323.800**

80687   **366.600**

HẠT TIVI, MẠNG, THOẠI & ĐIỀU KHIỂN

TV, Data, Tel, Control



MODULE Ổ CẮM TIVI ĐƠN

Tivi Outlet Module

80476 ☐ 202.70080476 ☒ -56 ☒ -26 245.400

MODULE Ổ CẮM TIVI ĐÔI

Twin Tivi Outlet Module

80478 ☐ 271.90080478 ☒ -56 ☒ -26 314.700

MODULE Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI ĐƠN (RJ11)

Telephone Outlet Module (RJ11)

80480 ☐ 199.70080480 ☒ -56 ☒ -26 242.400

MODULE Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI ĐÔI

Twin Telephone Outlet Module (RJ11)

80488 ☐ 262.80080488 ☒ -56 ☒ -26 305.600

MODULE Ổ CẮM TIVI & ĐIỆN THOẠI (RJ11)

Tivi and Telephone Outlet Module (RJ11)

80491 ☐ 262.80080491 ☒ -56 ☒ -26 305.600

MODULE Ổ CẮM TIVI & MẠNG (CAT6)

Tivi and Data (RJ45) Outlet Module (Cat6)

80492 ☐ 452.20080492 ☒ -56 ☒ -26 495.000

MODULE Ổ CẮM MẠNG (CAT6)

Data Outlet Module (Cat6)

80591 ☐ 330.00080591 ☒ -56 ☒ -26 372.800

MODULE Ổ CẮM MẠNG ĐÔI (CAT6)

Twin Data Outlet Module (Cat6)

80593 ☐ 455.30080593 ☒ -56 ☒ -26 498.100

MODULE Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI & MẠNG (CAT6)

Telephone (RJ11) & Data (RJ45) Outlet Module (Cat6)

80599 ☐ 423.70080599 ☒ -56 ☒ -26 466.500

MODULE CỔNG USB & HDMI

USB-HDMI Outlet Module

80494 ☐ 664.10080494 ☒ -56 ☒ -26 706.900

MODULE Ổ CẮM KẾT NỐI TAI NGHE 3.5+VGA

VGA-3.5 Earphone Outlet Module

80495 ☐ 632.50080495 ☒ -56 ☒ -26 675.300

MODULE Ổ CẮM KẾT NỐI ÂM THANH ĐƠN

Speaker Socket Module

80800Y1 ☐ 251.60080800Y1 ☒ -56 ☒ -26 294.400

MODULE Ổ CẮM KẾT NỐI ÂM THANH ĐÔI

Twin Speaker Socket Module

80800Y2 ☐ 380.90080800Y2 ☒ -56 ☒ -26 423.700

MODULE CHIẾT ÁP ĐÈN 0.85A-200W

Dimmer Switch Module

80313 ☐ 674.30080313 ☒ -56 ☒ -26 717.100

MODULE CHIẾT ÁP QUẠT

Fan regulator Switch Module

80317 ☐ 676.30080317 ☒ -56 ☒ -26 719.100

GIẢI PHÁP KHÁCH SẠN Hotel solutions



MODULE CHUÔNG CỬA CÓ ĐÈN BÁO
“KHÔNG LÀM PHẪN” & “DỌN PHÒNG”
Doorbell Switch Module “Do Not Disturb” & “Make Up Room” Indicator

80805	☐	1.082.000
80805	☒ -56 ☒ -26	1.124.000



MODULE CÔNG TẮC KHẨN CẤP
Emergency Switch Module

80809	☐	285.200
80809	☒ -56 ☒ -26	327.900



MODULE CÔNG TẮC THẺ
Keycard Switch Module

80526	☐	1.011.000
80526	☒ -56 ☒ -26	1.054.000





VIÊN MẶT KÍNH Nature Frame (Crystal)



Crystal



Water



Black



Stone



Orange

VIÊN ĐƠN / ĐƠN / ĐÔI

1 Frame size M: 86 x 86 mm / 1 Frame size L: 102 x 95 mm / 2 Frame: 90 x 178 mm

80611	-30	-31	-63	-64	-69	(M)	617.200
80610	-30	-31	-63	-64	-69	(L)	621.300
80620	-30	-31	-63	-64	-69	(76 Type)	1.069.000

VIÊN BA / BỐN / NĂM (76 Type)

(76 Type) 3 Frame: 90 x 254 mm / 4 Frame: 90 x 330 mm / 5 Frame: 90 x 406 mm

80630	-30	-31	-63	-64	-69		1.520.000
80640	-30	-31	-63	-64	-69		2.013.000
80650	-30	-31	-63	-64	-69		2.483.000

VIÊN MẶT KIM LOẠI Classic Frame (Metal)



Silver



Gold

VIÊN ĐÔI / BA / BỐN / NĂM (76 Type)

2 Frame: 86 x 162 / 3 Frame: 86 x 238 / 4 Frame: 90 x 314 / 5 Frame: 90 x 390 mm

80821	-42						545.900
80831	-42						777.200
80841	-42						984.900
80851	-42						1.177.000

VIÊN ĐÔI / BA / BỐN / NĂM (76 Type)

2 Frame: 86 x 162 / 3 Frame: 86 x 238 / 4 Frame: 90 x 314 / 5 Frame: 90 x 390 mm

80821	-48						577.500
80831	-48						818.800
80841	-48						1.038.000
80851	-48						1.253.000

VIÊN ĐƠN (86 Type)

(86 Type) 1 Frame: 86 x 86 mm

80811	-42						334.100
80811	-48						348.400

VIÊN ĐÔI (86 Type)

(86 Type) 2 Frame: 86 x 172 mm

80822	-42						836.200
80822	-48						869.800

VIÊN BA / BỐN / NĂM (86 Type)

(86 Type) 3 Frame: 86x258 mm / 3 Frame: 86x344 mm / 5 frame: 86x430 mm

80832	-42						1.156.000
80842	-42						1.650.000
80852	-42						1.981.000

VIÊN BA / BỐN / NĂM (86 Type)

(86 Type) 3 Frame: 86x258 mm / 3 Frame: 86x344 mm / 5 frame: 86x430 mm

80832	-48						1.222.000
80842	-48						1.694.000
80852	-48						2.069.000

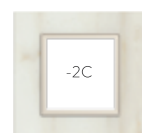
VIÊN MẶT ĐÁ Stone Frame



Basaltic Black



Zaha Stone



Karakatagin

VIÊN ĐƠN / ĐÔI

1 Frame: 95 x 102 mm / 2 Frame: 95 x 178 mm

80716	-2A	-2B	-2C				1.637.000
80726	-2A	-2B	-2C				2.569.000

VIÊN BA

3 Frame: 95 x 254 mm

80736	-2A	-2B	-2C				3.425.000
-------	-----	-----	-----	--	--	--	-----------

VIÊN MẶT NHỰA Basic Frame (Plastic)



White



Copper



Champagne



Grey

VIÊN ĐƠN / ĐÔI

1 Frame: 90 x 86 mm / (76 Type) 2 Frame: 90 x 162 mm

80810		75.400
80820	 (76 Type)	107.900

VIÊN ĐƠN / ĐÔI

1 Frame: 90 x 86 mm / (76 Type) 2 Frame: 90 x 162 mm

80810		659.000
80820	 (76 Type)	849.400

VIÊN ĐƠN / ĐÔI

1 Frame: 90 x 86 mm / (76 Type) 2 Frame: 90 x 162 mm

80810	 	168.100
80820	 	253.700

VIÊN BA / BỐN / NĂM (76 Type)

(76 Type) 3 Frame: 90x238 mm / 4 Frame: 90x314 mm / 5 Frame: 90x390 mm

80830		135.400
80840		190.400
80850		224.100

VIÊN BA / BỐN / NĂM (76 Type)

(76 Type) 3 Frame: 90x238 mm / 4 Frame: 90x314 mm / 5 Frame: 90x390 mm

80830		1.969.800
80840		3.191.000
80850		3.850.000

VIÊN BA / BỐN / NĂM

(76 Type) 3 Frame: 90x238 mm / 4 Frame: 90x314 mm / 5 Frame: 90x390 mm

80830	 	374.800
80840	 	473.700
80850	 	559.100



Crystal



Water

VIÊN CÔNG TẮC THẺ Key Card Frame



Black



Stone



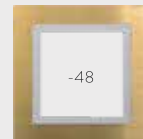
Orange



White



Silver



Gold

VIÊN CÔNG TẮC THẺ KÍNH

80612 Frame size L: 102 x 95 mm

80612	    	724.100
-------	---	---------

VIÊN CÔNG TẮC THẺ KÍNH

80613 Frame size M: 86 x 86 mm

80613	    	735.400
-------	---	---------

VIÊN CÔNG TẮC THẺ NHỰA

Frame: 86 x 86 mm

80813		165.000
-------	---	---------

VIÊN CÔNG TẮC THẺ KIM LOẠI

Frame: 86 x 86 mm

80815		512.300
80815		567.300

THIẾT BỊ KHÁC

OTHERS



Ổ CẮM ÂM SÀN Floor Sockets



2 Ổ CẮM 3 CHẤU ĐA NĂNG 10A
Floor Socket Twin Multi-standard

SEF3770		1.480.000
SEF4770		1.480.000
SEF5770		1.557.000



2 Ổ CẮM 3 CHẤU THƯƠNG 10A
Floor Socket Twin EU-US Socket

SEF3600		1.463.000
SEF4600		1.463.000
SEF5600		1.540.000



BỘ Ổ ĐIỆN THOẠI + Ổ MẠNG (CAT6)
Floor Socket With Telephone + Data (Cat6)

SEF34P8		1.480.000
SEF44P8		1.480.000
SEF54P8		1.557.000



BỘ 3 Ổ MẠNG (CAT6)
Floor Socket With Triple Data (Cat6)

SEF3888		1.496.000
SEF4888		1.496.000
SEF5888		1.573.000



BỘ Ổ ĐIỆN THOẠI + TIVI
Floor Socket With Telephone + Tivi

SEF34P5		1.452.000
SEF44P5		1.452.000
SEF54P5		1.529.000



BỘ 2 Ổ MẠNG (CAT6)
Floor Socket With Dual Data (Cat6)

SEF38P8		1.463.000
SEF48P8		1.463.000
SEF58P8		1.540.000



BỘ 2 Ổ MẠNG (CAT6) + ĐIỆN THOẠI
Floor Socket With Dual Data (Cat6) + Telephone

SEF3884		1.496.000
SEF4884		1.496.000
SEF5884		1.573.000



BỘ Ổ MẠNG (CAT6) + 2 ĐIỆN THOẠI
Floor Socket With Data (Cat6) + Dual Telephone

SEF3844		1.452.000
SEF4844		1.452.000
SEF5844		1.529.000



BỘ Ổ MẠNG (CAT6) + Ổ TIVI
Floor Socket With Data (Cat6) + Tivi

SEF38P5		1.441.000
SEF48P5		1.441.000
SEF58P5		1.518.000



BỘ 2 Ổ ĐIỆN THOẠI + Ổ TIVI
Floor Socket With Dual Telephone + Tivi

SEF3445		1.435.000
SEF4445		1.435.000
SEF5445		1.512.000



Ổ ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG + Ổ 2 CHẤU 10A/16A
Floor Socket With Multi-Standard + Two Pin

SEF3701		1.425.000
SEF4701		1.425.000
SEF5701		1.502.000



Ổ ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG + Ổ MẠNG 10A
Floor Socket With Multi-Standard + Data

SEF3708		1.452.000
SEF4708		1.452.000
SEF5708		1.529.000



Ổ ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG + Ổ ĐIỆN THOẠI 10A
Floor Socket With Multi-Standard + Telephone

SEF3704		1.441.000
SEF4704		1.441.000
SEF5704		1.518.000



Ổ MẠNG + ĐIỆN THOẠI + TIVI
Floor Socket With Data + Tivi + Telephone

SEF3845		1.463.000
SEF4845		1.463.000
SEF5845		1.540.000



Ổ ĐƠN 2 CHẤU + CỔNG USB ĐÔI 16A
Floor Socket With Two Pin Socket + Double USB

SEF31U0		1.496.000
SEF41U0		1.496.000
SEF51U0		1.573.000

*Tất cả ổ âm sàn chưa bao gồm đế.

THIẾT BỊ ĐIỆN

Electrical equipment



ĐỀ ÂM Flush Mounting Boxes



ĐỀ ÂM VUÔNG ĐƠN LOẠI 86

Multi Gang: All Simon family, except 76 type (I7/ V8)
KT: 89.5 x 80.5 x 50 mm / 60 mm

SED1A086C

25.000



ĐỀ ÂM VUÔNG ĐƠN LOẠI 76

Multi Gang: I7/ V8 (76 Type)
KT: 78 x 80 x 50 mm / 60 mm

SED1A076

25.000



ĐỀ ÂM CHỮ NHẬT

118 Flush Mounting Box
KT: 99.5 x 65 x 47.5 mm / 83.5 mm

SED1A118

27.000



ĐỀ SẮT CHO Ổ ÂM SÀN

Pop-up Floor Socket Mounting Box
KT: 100 x 100 x 50 mm / 84 mm

SED9A100

129.400

THIẾT BỊ KHÁC Others



BỘ CHUÔNG CỬA VỚI 2 ÂM THANH

Doorbell With Two Kinds of Sound

45002



492.900

45002



537.000



HỘ CHỐNG THẮM Waterproof Cover



**HỘ CHỐNG THẮM NƯỚC VUÔNG
CHO CÔNG TẮC (NHỰA MỜ)**
Switch Waterproof Cover (V8 86 type cannot fit)

S154 97.800



**HỘ CHỐNG THẮM NƯỚC VUÔNG
CHO Ổ CẮM (NHỰA MỜ)**
Socket Waterproof Cover (V8 86 type cannot fit)

S155 97.800



**HỘ CHỐNG THẮM NƯỚC VUÔNG
CHO CÔNG TẮC (TRONG SUỐT)**
Switch Waterproof Transparent Cover
(V8 86 type cannot fit)

S254 177.200



**HỘ CHỐNG THẮM NƯỚC VUÔNG
CHO Ổ CẮM (TRONG SUỐT)**
Socket Waterproof Transparent Cover
(V8 86 type cannot fit)

S255 177.200



**HỘ CHỐNG THẮM NƯỚC CHỮ NHẬT
(LOẠI NGANG)**
Waterproof Cover (Horizontal) (No hole for plug wires)

52154 109.000



**HỘ CHỐNG THẮM NƯỚC CHỮ NHẬT
CHO Ổ CẮM (LOẠI DỌC)**
Waterproof Cover (Vertical) (No hole for plug wires)

52155 109.000



**MẶT CHE NƯỚC IP55 VUÔNG
CHO Ổ CẮM**
IP55 Socket Waterproof Cover

S258 184.400

APTOMAT - DÒNG CẮT 6000A MCB



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 1P+N
MCB 6000A 1P+N

SMB65C-40C10	239.400
SMB65C-40C16	239.400

SMB65C-40C20	239.400
SMB65C-40C25	239.400

SMB65C-40C32	239.400
SMB65C-40C40	271.900



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 1P
MCB 6000A 1P

SMB65C-63C10	125.300
SMB65C-63C16	125.300

SMB65C-63C20	125.300
SMB65C-63C25	125.300
SMB65C-63C32	125.300

SMB65C-63C40	160.900
SMB65C-63C50	165.000
SMB65C-63C63	165.000



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 2P

MCB 6000A 2P

SMB65C-63C16/2	292.300
SMB65C-63C20/2	292.300
SMB65C-63C25/2	292.300

SMB65C-63C32/2	292.300
SMB65C-63C40/2	326.900
SMB65C-63C50/2	410.400

SMB65C-63C63/2	410.400
SMB65C-100C80/2	962.500
SMB65C-100C100/2	1.017.000



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 3P

MCB 6000A 3P

SMB65C-63C16/3	444.100
SMB65C-63C20/3	444.100
SMB65C-63C25/3	444.100

SMB65C-63C32/3	444.100
SMB65C-63C40/3	489.900
SMB65C-63C50/3	574.400

SMB65C-63C63/3	574.400
SMB65C-100C80/3	1.412.000
SMB65C-100C100/3	1.444.000



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 4P

MCB 6000A 4P

SMB65C-63C16/4	633.500
SMB65C-63C20/4	633.500
SMB65C-63C25/4	633.500

SMB65C-63C32/4	633.500
SMB65C-63C40/4	664.100
SMB65C-63C50/4	789.400

SMB65C-63C63/4	789.400
SMB65C-100C80/4	2.022.000
SMB65C-100C100/4	2.118.000



APTOMAT CHỐNG GIẬT 30mA 6000A 1P+N
RCBO 30mA 6000A 1P+N

SMB65CL-40C10	841.300
SMB65CL-40C16	841.300

SMB65CL-40C20	841.300
SMB65CL-40C25	841.300

SMB65CL-40C32	841.300
SMB65CL-40C40	925.900



APTOMAT CHỐNG GIẬT 30mA 6000A 2P
RCBO 30mA 6000A 2P

SMB65CL-63C10/2	925.900
SMB65CL-63C16/2	925.900

SMB65CL-63C20/2	925.900
SMB65CL-63C25/2	952.300
SMB65CL-63C32/2	952.300

SMB65CL-63C40/2	1.180.000
SMB65CL-63C50/2	1.243.000
SMB65CL-63C63/2	1.243.000



APTOMAT CHỐNG GIẬT 30mA 6000A 4P
RCBO 30mA 6000A 4P

SMB65CL-63C63/4	2.095.000
-----------------	------------------

AN TOÀN KHI SỬ DỤNG

Guarantee safety during using process



TỦ APTOMAT MẶT PHẪNG
Aptomat Box

SET65CS-4AB

468.500

SET65CS-6AB

560.200

SET65CS-9AB

641.600



TỦ APTOMAT MẶT PHẪNG, NHỰA MỜ
Aptomat Box

SMX65CS-12AB

1.188.000

SMX65CS-15AB

1.375.000

SMX65CS-18AB

1.551.000

SMX65CS-21AB

1.749.000

SMX65CS-26AB 2.365.000

SMX65CS-32AB 2.750.000

SMX65CS-42AB 3.355.000

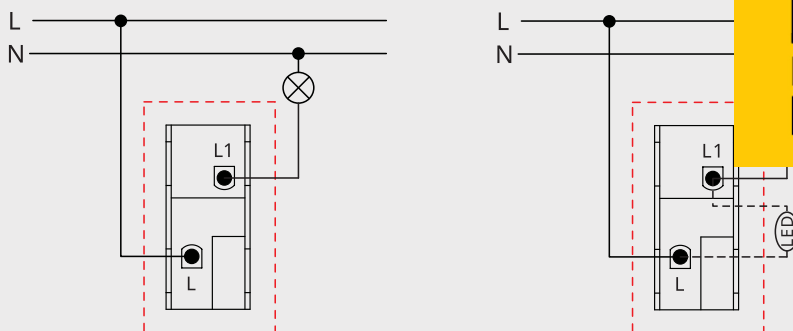
MÃ SẢN PHẨM	SỐ CỰC	SỐ HÀNG	KÍCH THƯỚC (mm)	LỖ KHOÉT (mm)	CHẤT LIỆU
SET65CS-4AB	4	1	150 x 198 x 100	140 x 195 x 90	Mặt tủ nhựa PC chống cháy Thân tủ thép sơn tĩnh điện
SET65CS-6AB	6	1	186 x 198 x 100	175 x 195 x 90	
SET65CS-9AB	9	1	241 x 200 x 102	230 x 195 x 90	

MÃ SẢN PHẨM	SỐ CỰC	SỐ HÀNG	KÍCH THƯỚC (mm)	LỖ KHOÉT (mm)	CHẤT LIỆU
SMX65CS-12AB	12	1	320 x 240 x 112	295 x 215 x 90	Mặt tủ nhựa PC chống cháy Thân tủ thép sơn tĩnh điện
SMX65CS-15AB	15	1	370 x 260 x 112	355 x 245 x 90	
SMX65CS-18AB	18	1	424 x 260 x 112	405 x 225 x 90	
SMX65CS-21AB	21	1	477 x 260 x 112	460 x 225 x 90	
SMX65CS-26AB	26	2	405 x 321 x 115	385 x 305 x 90	
SMX65CS-32AB	32	2	405 x 375 x 115	385 x 360 x 90	
SMX65CS-42AB	42	2	465 x 404 x 115	450 x 385 x 90	

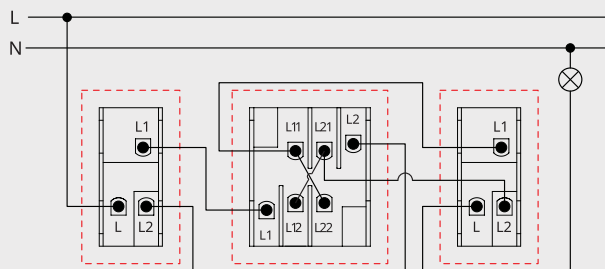
KỸ THUẬT



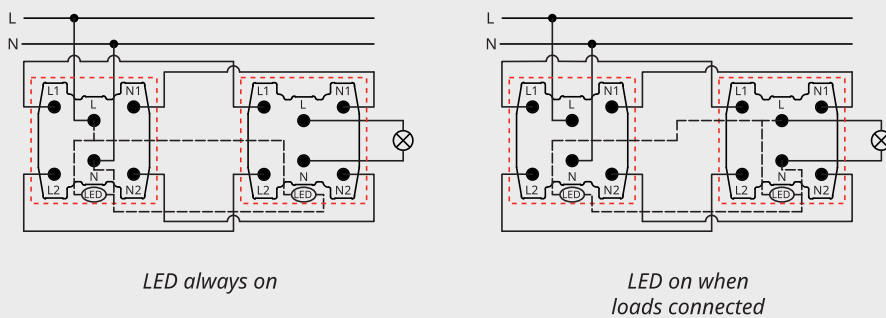
CÔNG TẮC ĐƠN
1 CHIỀU



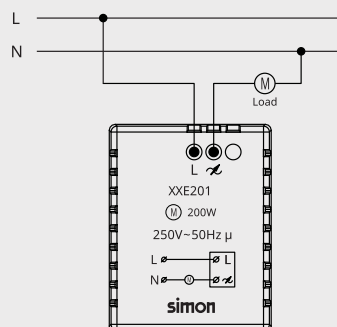
CÔNG TẮC
TRUNG GIAN



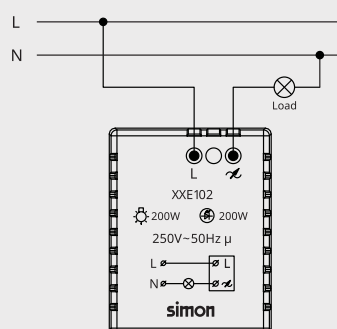
CÔNG TẮC ĐÔI
2 CHIỀU



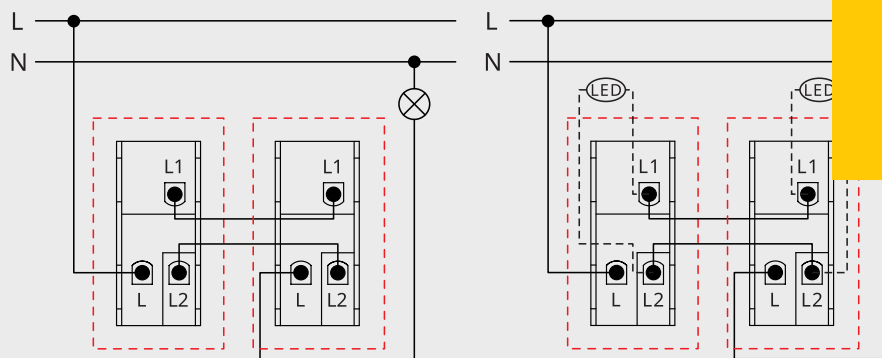
CHIẾT ÁP QUẠT



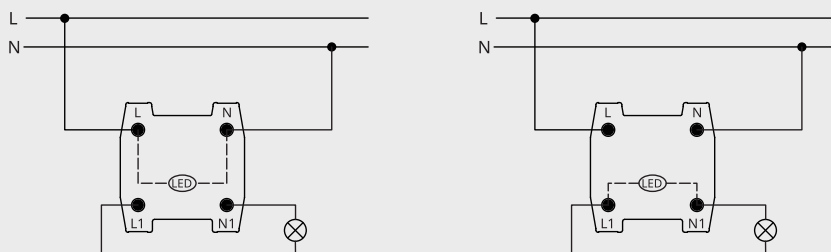
CHIẾT ÁP ĐÈN



CÔNG TẮC ĐƠN
2 CHIỀU



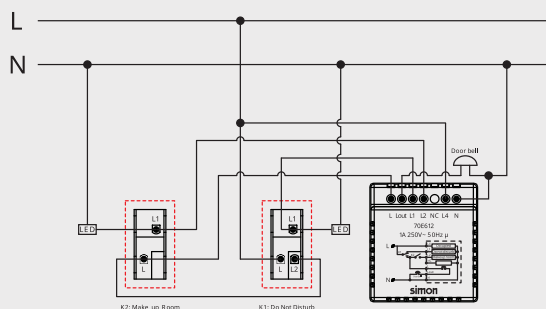
CÔNG TẮC
2 CỰC



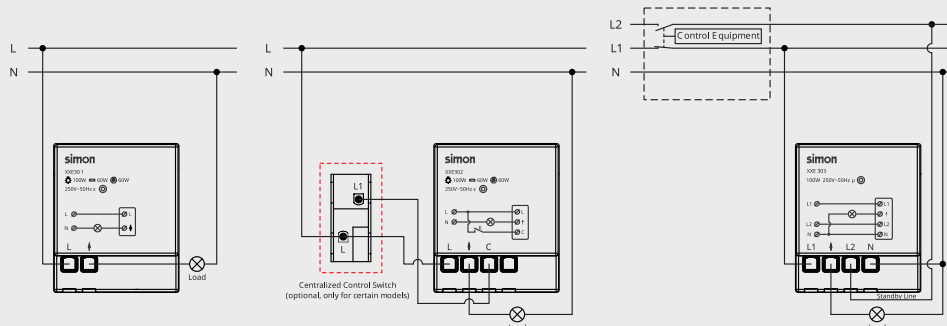
LED always on

LED on when
loads connected

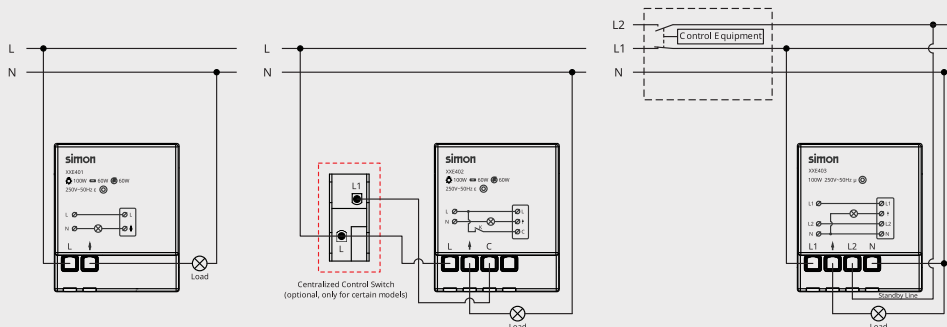
CÔNG TẮC CHUÔNG
KHÔNG LÀM PHIÊN
& MỜI DỌN PHÒNG



CÔNG TẮC
HIỆN ĐIỆN



CÔNG TẮC
ĐIỀU KHIỂN
ÂM THANH
& ÁNH SÁNG





simon
Viet Nam

CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN SIMON VIỆT NAM

Nhà Máy: Lô CN06, KCN Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên



0968 111 900

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

ĐC: Tầng 5, Tòa nhà C Plus Office, Tổ 28,
Thành Thái, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

VĂN PHÒNG ĐÀ NẴNG

ĐC: 29 Hoàng Văn Thái, P. Hòa Minh,
Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

VĂN PHÒNG HỒ CHÍ MINH

ĐC: Tầng 4, Tòa nhà Y12 Hồng Lĩnh,
Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

VĂN PHÒNG CẦN THƠ

ĐC: Số 124 Võ Văn Kiệt, KV Bình Trung,
P. Long Hòa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ